TOÀ ÁN ND HUYỆN V
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2019/HSST
Ngày 20/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Phạm Văn Trung**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Điện.**

Ông **Nguyễn Văn Kháng.**

Thư ký phiên toà: Ông **Đào Quang Đích.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà **Chu Thị Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2019 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện V - tỉnh H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:76/2019/HSST ngày 19/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với Bị cáo:

S - Sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh H; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: L và bà : P; Anh, chị, em ruột: có 04 người, bị can là thứ 4; Vợ, con: chưa có; Tiền án: ngày 07/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 26/8/2018 S chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: chưa có; Bị cáo S được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Anh M, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện C, tỉnh T.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà P, sinh năm 1964 (có mặt);

2. Ông L, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh H;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 ngày 15/07/2019, T ở thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh H đi đến nhà của S ở thôn Đ, xã N, huyện V rủ S đi trộm cắp tài sản thì S đồng ý. Sau đó S điều khiển xe môtô Honda Cub (không rõ biển số) chở T đi đến địa phận xã L, huyện V xem ai sơ hở tài sản thì trộm cắp. Khi đi qua khu trọ của gia đình anh H ở thôn Q, xã L, huyện V, S và T thấy cửa cổng mở, bên trong sân có dựng nhiều xe môtô, S, T liền nảy

sinh ý định trộm cắp xe mô tô. S, T quan sát thấy không có người, T liền lấy trong túi quần ra 01 bộ vam phá khóa bằng kim loại rồi đưa cho S để S đi vào trong khu trọ trộm cắp xe mô tô thì S đồng ý, còn T điều khiển xe môtô Honda Cub đứng cách khu trọ khoảng 10m để cảnh giới. Lúc này, S cầm vam phá khóa đi đến chỗ dựng chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave biển số 22F1-225.., màu sơn Trắng Đen Bạc của anh M ở thôn T, xã T, huyện C, tỉnh T. S cầm vam phá khóa cho vào ổ khóa của xe mô tô rồi vặn theo chiều kim đồng hồ để phá khóa cổ của xe mô tô, sau đó S dắt chiếc xe môtô trên ra khỏi khu trọ, còn T điều khiển chiếc xe mô tô Honda Cub đi theo S. Khi S và T đi đến khu vực chợ đường C thuộc địa phận xã T, huyện V thì S và T đổi xe cho nhau. Cả hai điều khiển xe lên khu vực gần cống xã X, huyện V thì T bảo S đứng chờ, còn T mang chiếc xe môtô vừa trộm cắp được đi bán thì S đồng ý. Khoảng 30 phút sau, T quay lại S điều khiển xe mô tô Honda Cub chở T đi về nhà. Trên đường về T chia cho S số tiền là 970.000đ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bà M (mẹ của T) điều khiển xe đạp điện đến nhà S. Tại đây bà M nói với S: "*có một người đàn ông đến nhà bà M và hỏi về chiếc xe môtô Honda Wave mà T và S vừa trộm cắp được, đồng thời bảo S và T chuộc lại chiếc xe về trả lại cho người bị mất nếu không sẽ xử lý theo quy định của pháp luật*". S liền điện thoại cho T kể lại sự việc trên thì T nói với S: " *chỉ cần đưa số tiền trưa nay T chia cho S là lấy được xe về*" thì S đồng ý. Sau đó S điều khiển xe đạp điện chở bà M đến khu vực gần cống X, huyện V để chuộc lại xe môtô trên. Khi đi cách cống X khoảng 100m thì Sơn thấy có một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể đã mang chiếc xe môtô biển số 22F-225... đứng chờ sẵn ở cống X. Khi đó S đỗ xe lại và bảo bà M đứng chờ, còn S đi bộ đến gặp người đàn ông trên. S đưa số tiền 970.000đ cho người đàn ông này thì người này đưa cho S chiếc xe môtô trên. Sau đó S điều khiển chiếc xe môtô trên, còn bà M điều khiển xe đạp điện về nhà S. Tại nhà của S, S bảo bà M và bà P (là mẹ của S) dắt chiếc xe mô tô trên trả lại cho người bị mất hộ S thì bà M và bà P đồng ý. Sau đó bà M và bà P dắt chiếc xe môtô trên đi từ nhà bà P sang xã L, huyện V, tỉnh H để trả lại xe cho người bị mất. Còn S đã điều khiển chiếc xe môtô Honda Cub bỏ trốn khỏi địa phương. Khi bà M, bà P đi đến thôn M, xã L, huyện V thì bị Công an xã L kiểm tra hành chính và đã lập biên bản tạm giữ chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 22F1-225..; 01 chiếc ví nam màu đen, bên trong chiếc ví có 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên M. Cùng ngày Công an xã L đã tiến hành bàn giao hồ sơ cùng toàn bộ số vật chứng trên cho cơ quan CSĐT-Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi sự việc xảy ra, anh M có đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT-Công an huyện V. Cùng ngày 15/07/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 file video được lưu trữ trong USB, màu đen, nhãn hiệu HP, dung lượng 4GB ghi lại hình ảnh các đối tượng đã trộm cắp chiếc xe môtô trên.

Ngày 08/08/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện V đã tiến hành định giá và kết luận: chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 22F1- 225.. tại thời điểm bị trộm cắp ngày 15/7/2019 có trị giá 11.000.000đ.

Ngày 16/9/2019 Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã tiến hành giám định 03 file video được lưu trữ trong USB, màu đen, nhãn hiệu HP, dung lượng 4GB nêu trên và kết luận: không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung các tệp video gửi giám định.

Quá trình điều tra xác định:Trong khi bỏ trốn, S bị tai nạn giao thông bị thương tích gẫy chân phải và gẫy tay trái phải nằm viện và điều trị tại bệnh viện Việt Đức từ ngày 14/09/2019 đến ngày 20/9/2019 thì ra viện. Hiện S đang điều trị thương tích tại nhà ở thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh H.

Đối với đối tượng T, ngày 23/07/2019 T được phát hiện đã bị chết tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh H, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Lâm đang điều tra, xác minh làm rõ nguyên nhân chết ở một vụ việc khác. Đối với đối tượng đã mua chiếc xe mô tô của S, T, Cơ quan CSĐT-Công an huyện V chưa xác minh được lai lịch địa chỉ nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với chiếc xe môtô Honda Cub mà S dùng để chở T đi trộm cắp S khai nhận: do bị tai nạn giao thông tại địa phận thành phố H nên chiếc xe môtô trên bị hư hỏng nặng S đã vứt bỏ chiếc xe ở trên đường và không nhớ rõ vị trí nào. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe môtô Honda Cub trên là của ông L (là bố đẻ của S). Ông L khai chiếc xe trên ông mua từ năm 2015, đăng ký xe đã bị mất, ông cũng tự nguyện không có yêu cầu đề nghị gì.

Ngày 23/10/2019 Cơ quan CSĐT-Công an huyện V đã trả lại anh M chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 22F1-225.., 01 chiếc ví nam màu đen, bên trong chiếc ví có 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên M cùng các giấy tờ có liên quan. Anh M đã nhận lại tài sản và tự nguyện không có yêu cầu bồi thường gì.

Bị cáo S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên.

Cáo trạng số 81/CT - VKS, ngày 19/11/2019 của VKSND huyện V truy tố bị cáo S về tội "**Trộm cắp tài sản"** theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện V đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo S phạm tội "**Trộm cắp tài sản".** Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo S từ 1 năm 9 tháng đến 2 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tình từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo : Lời khai của bị cáo S tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại là anh M, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, lời khai của những người làm chứng bà M, ông H cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15/7/2019 tại khu vực phòng trọ của gia đình anh H ở thôn Q, xã L, huyện V, tỉnh H, S, T đã có hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 22F1-22.. có trị giá 11.000.000đ của anh M ở thôn T, xã T, huyện C, tỉnh T, sau đó thì bị phát hiện. Đối với T, ngày 23/07/2019 T được phát hiện đã bị chết tại thôn T, xã T, huyện V, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện V đang điều tra, xác minh ở một vụ việc khác.

[3]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được bản thân đã có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 22F1-225.. có trị giá 11.000.000đ của anh M là vi phạm pháp luật. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo S về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, Bị cáo có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do đó, việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết.

[5]. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, năn năn hối cải, đã trả lại tài sản cho người bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6]. Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, sống có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng dăn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh M đã nhận lại 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave biển số 22F1-225.., 01 chiếc ví nam màu đen, bên trong chiếc ví có 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang M nay không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo S phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo S 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tình từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về án phí: Bị cáo S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đối với Bị hại anh M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M, ông L và ông H đều vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện V ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.